

# DIỄN BIẾN NĂNG LỰC CHÚ Ý CÓ CHỌN LỌC CỦA VẬN ĐỘNG VIÊN KARATE ĐỘI TUYỂN QUỐC GIA Ở GIAI ĐOẠN HUẤN LUYỆN CHUẨN BỊ CHUNG VÀ HUẤN LUYỆN CHUYÊN MÔN

PGS.TS. Trần Tuấn Hiếu<sup>1</sup>; TS. Vũ Ngọc Tuấn<sup>2</sup>

**Tóm tắt:** Thông qua ứng dụng hệ thống test tâm lý thể thao (hệ thống test vienna), nghiên cứu đã xác định được 04 tiêu chí đánh giá diễn biến năng lực chú ý có chọn lọc (NLCYCCL) của vận động viên (VĐV) Karate qua các giai đoạn huấn luyện là: Thời gian chú ý trung bình/một tín hiệu đúng (mili giây); Tốc độ chú ý trung bình/một tín hiệu đúng (mili giây); Chú ý lựa chọn đúng (%); Mật tập trung chú ý (lần). Đồng thời đánh giá diễn biến năng lực chú ý có chọn lọc từ giai đoạn huấn luyện chuẩn bị chung (HLCBC) đến huấn luyện chuyên môn (HLCM) của VĐV Karate Quốc gia.

**Từ khóa:** Diễn biến; Năng lực chú ý có chọn lọc; Vận động viên; môn Karate; Đội tuyển Quốc gia...

**Summary:** Through the application of the Vienna Psychological Sports Test system, this research has identified four criteria for assessing the selective attention capacity development of Karate athletes across different training phases: Average attention time per correct signal (milliseconds), Average attention speed per correct signal (milliseconds), Percentage of correct attention selection, and Instances of attention lapses. Additionally, it evaluates the progression of selective attention capacity from the general preparation training phase to the specialized training phase for national Karate athletes.

**Keywords:** Progression, Selective attention capacity, Athletes, Karate, National team...

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Karate Việt Nam đã và đang đạt được thành tích trên các đấu trường trong nước, khu vực và thế giới. Nhờ đó, Karate có những đóng góp không nhỏ trong sự phát triển của thể thao Việt Nam. Qua nhiều năm tiếp cận thực tiễn, chúng tôi nhận thấy NLCYCCL là một quá trình tâm lý, phản ánh trạng thái hoạt động đặc thù của VĐV Karate. Kết quả của việc chú ý có chọn lọc là một trong các yếu tố tâm lý cơ bản, có ý nghĩa và vai trò quan trọng ảnh hưởng đến thành tích của VĐV Karate. Vì vậy, nghiên cứu đánh giá diễn biến NLCYCCL của VĐV Karate đội tuyển Quốc gia ở giai đoạn huấn luyện chuẩn bị chung và huấn luyện chuyên môn là việc làm cần thiết.

Thời điểm thực hiện đánh giá NLCYCCL: Thời điểm huấn luyện chuẩn bị chung và thời điểm huấn luyện chuyên môn (từ tháng 7 đến tháng 9 năm 2021). Số VĐV thực hiện test: nữ n=8 và nam n=10, tuổi từ 20 đến 22.

Quá trình nghiên cứu sử dụng các phương pháp sau: Phân tích và tổng hợp tài liệu; Hệ thống test tâm lý thể thao và toán học thống kê.

NLCYCCL hay test RT-S4: Là test giúp xác định NLCYCCL của VĐV. Test này bao gồm: Chuỗi đèn vàng và đỏ, âm thanh. Tổ hợp có 48 lần phát tín hiệu trong quá trình VĐV thực hiện test. Các tín hiệu quan trọng đòi hỏi VĐV phải tập trung chú ý phân biệt và lựa chọn trong tổ hợp các tín hiệu để phản ứng: Sự xuất hiện đồng thời tín hiệu vàng và đỏ. Các biến để xác định NLCYCCL bao gồm: Thời gian chú ý: là thời gian từ khi xuất hiện tín hiệu đến khi rời khỏi vị trí chuẩn bị có quyết định phản ứng và trở lại vị trí chuẩn bị. Tốc độ chú ý là thời gian từ khi xuất hiện tín hiệu đến khi có quyết định phản ứng (không tính thời gian trở về vị trí chuẩn bị ban đầu). Chú ý lựa chọn đúng: Là số lần phản ứng đúng với tín hiệu đúng; sao nhãng chú ý: Là số lần bỏ qua các tín hiệu cần phải phản ứng. Chú ý không hoàn toàn: có chú ý nhưng không có

quyết định nào đưa ra; Chú ý lựa chọn sai: Là chú ý tới các tín hiệu không phải là tín hiệu được quy định phản ứng.

## 2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

### 2.1. Thực trạng NLCYCCL của VĐV Karate ở giai đoạn huấn luyện chuẩn bị chung

Chúng tôi tiến hành đánh giá thực trạng NLCYCCL của VĐV Karate trong giai đoạn HLCBC và HLCM. Kết quả được trình bày tại bảng 1.

Qua bảng 1 cho thấy: VĐV không có chú ý

sai và không bị mất tập trung hoàn toàn trong quá trình thực hiện đánh giá NLCYCCL. Trong giai đoạn HLCBC: Nữ có 96.09% chú ý lựa chọn đúng; Nam có 98.75% chú ý lựa chọn đúng. Trong giai đoạn HLCM: Nữ có 99.22% chú ý lựa chọn đúng; Nam có 106.25% chú ý lựa chọn đúng. Kết quả này cho thấy, trong giai đoạn huấn luyện chuyên môn NLCYCCL của VĐV tốt hơn trong giai đoạn HLCBC. Chú ý có chọn lọc của nam có kết quả tốt hơn so với nữ.

**Bảng 1. Thực trạng NLCYCCL của VĐV Karate trong giai đoạn HLCBC và HLCM**

Giới tính	VĐV	Thời gian chú ý (ms)		Tốc độ chú ý (ms)		Số tín hiệu đúng cần phản ứng (n=16)			
						Đúng (%)		sao nhãng chú ý (lần)	
		HLCBC	HLCM	HLCBC	HLCM	HLCBC	HLCM	HLCBC	HLCM
Nữ (n=8) Tuổi từ 20 - 22	1	441	338	192	177	100	100	0	0
	2	430	327	132	117	93.75	93.75	1	0
	3	404	301	125	110	87.5	100	2	1
	4	598	495	203	188	100	100	0	0
	5	430	327	150	135	93.75	100	1	0
	6	311	278	206	191	100	100	0	0
	7	387	284	126	111	93.75	100	1	0
	8	455	352	184	169	100	100	0	0
	<i>X</i>	<i>432</i>	<i>337.75</i>	<i>167.25</i>	<i>149.75</i>	<i>96.09</i>	<i>99.22</i>	<i>0.625</i>	<i>0.125</i>
	<i>σ</i>	<i>80.73</i>	<i>68.63</i>	<i>39.00</i>	<i>35.15</i>	<i>4.65</i>	<i>2.18</i>	<i>0.074</i>	<i>0.035</i>
Nam (n=10) Tuổi từ 20 - 22	1	548	445	148	133	100	100	0	0
	2	442	339	149	134	93.75	100	1	0
	3	405	302	199	184	100	100	0	0
	4	480	377	141	126	100	100	0	0
	5	396	293	95	80	100	100	0	0
	6	355	252	161	146	100	168.75	1	0
	7	606	503	171	156	100	100	0	0
	8	419	316	166	151	100	100	0	0
	9	521	518	264	249	93.75	93.75	1	0
	10	480	377	158	143	100	100	0	1
	<i>X</i>	<i>465.2</i>	<i>372.2</i>	<i>165.2</i>	<i>150.2</i>	<i>98.75</i>	<i>106.25</i>	<i>0.3</i>	<i>0</i>
	<i>σ</i>	<i>77.07</i>	<i>90.44</i>	<i>43.56</i>	<i>43.56</i>	<i>2.64</i>	<i>22.06</i>	<i>0.048</i>	<i>0.1</i>

## 2.2. Xác định diễn biến NLCYCCL của VĐV Karate từ giai đoạn huấn luyện chuẩn bị chung đến giai đoạn huấn luyện chuyên môn

Nghiên cứu tiến hành xác định diễn biến NLCYCCL của VĐV Karate từ giai đoạn HLCCB đến giai đoạn HLCM. Kết quả được trình bày tại bảng 2.

Qua bảng 2 cho thấy: Diễn biến năng lực chú ý của VĐV Karate từ giai đoạn HLCBC đến giai đoạn HLCM biểu hiện ở mức tăng trưởng (W%).

- Nữ có giá trị tăng trưởng trung bình về năng lực chú ý là 33.93%

- Nam có giá trị tăng trưởng trung bình về

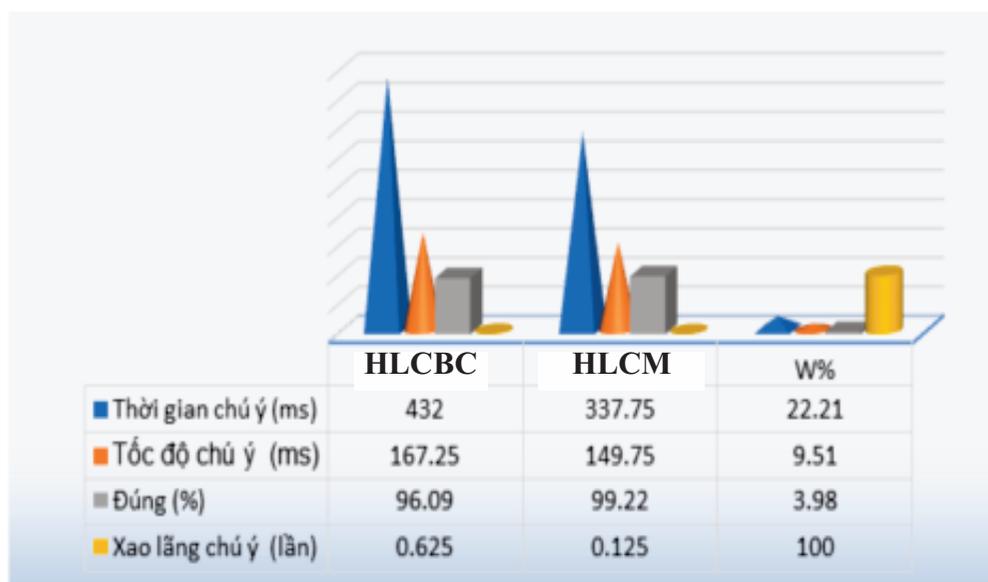
năng lực chú ý là 43.02%

Như vậy, diễn biến năng lực chú ý của VĐV là có sự tăng trưởng ở giai đoạn HLCM so với giai đoạn HLCBC. Nam có mức tăng trưởng cao hơn so với nữ. Kết quả được trình bày tại biểu đồ 1 và biểu đồ 2.

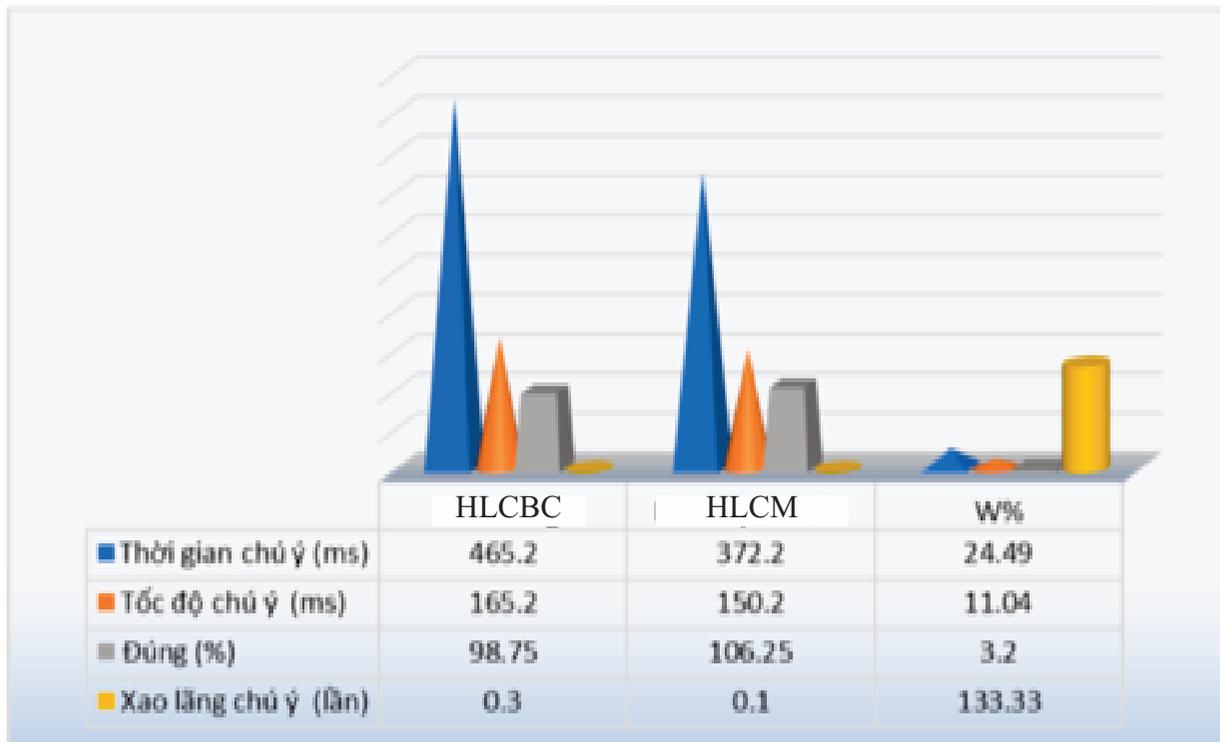
Qua biểu đồ 1 cho thấy: Diễn biến năng lực chú ý của nữ karate có sự tăng trưởng ở các nội dung: Thời gian chú ý, tốc độ chú ý nhanh hơn ở giai đoạn huấn luyện chuyên môn so với giai đoạn huấn luyện chuẩn bị chung. Ở giai đoạn huấn luyện chuyên môn, không có VĐV xao lãng chú ý trong suốt quá trình thực hiện đánh giá NLCYCCL.

**Bảng 2. Diễn biến NLCYCCL của VĐV Karate**

Tiêu chí	Diễn biến NLCYCCL của nữ VĐV Karate			Diễn biến NLCYCCL của nam VĐV Karate		
	Trung bình		Diễn biến tăng trưởng (W%)	Trung bình		Diễn biến tăng trưởng (W%)
	HLCBC	HLCM		HLCBC	HLCM	
Thời gian (ms)	432	337.75	22.21	465.2	372.2	24.49
Tốc độ (ms)	167.25	149.75	9.51	165.2	150.2	11.04
Đúng (%)	96.09	99.22	3.98	98.75	106.25	3.20
Sao nhãng (lần)	0.625	0.125	100.00	0.3	0.1	133.33
Trung bình	<b>153.81</b>	<b>125.88</b>	<b>33.93</b>	<b>161.52</b>	<b>134.63</b>	<b>43.02</b>



**Biểu đồ 1. Diễn biến tăng trưởng NLCYCCL của nữ karate**



**Biểu đồ 2. Diễn biến tăng trưởng NLCYCCL của nữ karate**

Qua biểu đồ 2 cho thấy: Cũng tương tự như nữ karate, diễn biến năng lực chú ý của nam karate có sự tăng trưởng ở tất cả các nội dung: Thời gian chú ý, tốc độ chú ý ở giai đoạn huấn luyện chuyên môn nhanh hơn môn so với giai đoạn huấn luyện chuẩn bị chung. Ở giai đoạn huấn luyện chuyên môn, mức tập trung chú ý của nam đạt tới >100% và không có VĐV mất tập trung hoàn toàn trong suốt quá trình thực hiện đánh giá NLCYCCL.

### 3. KẾT LUẬN

Thông qua nghiên cứu đã lựa chọn được 4 tiêu chí xác định diễn biến NLCYCCL từ giai đoạn huấn luyện chuẩn bị chung đến giai đoạn huấn luyện chuyên môn cho VĐV Karate là: 1/. Thời gian chú ý trung bình/một tín hiệu đúng (mili giây); 2/. Tốc độ chú ý trung bình/một tín hiệu đúng (mili giây); 3/. Chú ý lựa chọn đúng (%); 4/. Mất tập trung chú ý (lần).

Diễn biến NLCYCCL của VĐV Karate cho thấy mức tăng trưởng của nam cao hơn so với nữ. Trong quá trình VĐV Karate thực hiện test, tâm lý có sự ổn định.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Thị Hồng Nhung (2015), *Ứng dụng hệ thống các giải pháp khoa học trong đào tạo VĐV cấp cao môn Taekwondo và Karate-do*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Bộ văn hóa Thể thao và Du lịch.
2. Phạm Ngọc Viễn, Phạm Thị Thanh Hương (2011), *Stress trong hoạt động thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.
3. Phạm Ngọc Viễn, Phạm Thị Thanh Hương (2014), *Tâm lý VĐV thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.
4. Phạm Ngọc Viễn, Lê Văn Xem, Mai Văn Muôn, Nguyễn Thanh Nữ (1991), *Tâm lý học thể dục thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.

**Nguồn bài báo:** Bài báo trích từ kết quả lấy từ kết đề tài 2021, tên đề tài: “*Ứng dụng test tâm lý thể thao (hệ thống test vienna) đánh giá diễn biến tâm lý vận động viên cấp cao môn karate*”. Đề tài được nghiệm thu tại Viện Khoa học TDTT năm 2021. chủ nhiệm PGS.TS. Trần Tuấn Hiếu.

**Ngày nhận bài:** 25/8/2023; **Ngày duyệt đăng:** 20/9/2023.